TÒA ÁN NHÂN DÂN TP V
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 102/2022/DS-ST
Ngày: 15-12-2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Đặng Ngọc Thương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Khuất Cao Hoàng – CBTA

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại giấy chứng nhận QSD đất*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST–DS ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-HPT ngày 16 tháng 8 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 17/2022/TB-TA ngày 19 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST-HPT ngày 09 tháng 9 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 577/2022/TB-TA ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L – sinh năm : 1940 (vắng mặt)

Địa chỉ : thôn 3, xã S, thành phố V, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc T, sinh năm: 1984
Địa chỉ: 6/20A đường số 20, phường Đ, thành phố X, thành phố M. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Triệu Thị Ngọc H – sinh năm : 1972
Địa chỉ: thôn 4 I, xã S, thành phố V, tỉnh B. (vắng mặt xét xử lần 2 không có lý do chính đáng)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn P, SN: 1968
Địa chỉ: Thôn 4, xã S, thành phố V, tỉnh B.
(vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2020, bản tự khai, các buổi làm việc tại tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Do quan hệ quen biết, bà Huỳnh Thị L có cho bà Triệu Thị Ngọc H mượn số tiền là 174.000.000đ và 05 (năm) chỉ vàng 9999 và 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L. Khi mượn, bà H hứa chỉ mượn số tiền, vàng và giấy chứng nhận trên của bà L trong thời gian ngắn sẽ trả lại. Tuy nhiên, đến nay bà H chưa trả bất kỳ khoản tiền và vàng cho bà L. Năm 2019 bà L yêu cầu bà H trả tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà nhưng bà H không trả nên hai bên phát sinh tranh chấp. Nay, bà Huỳnh Thị L yêu cầu bà Triệu Thị Ngọc H phải có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền gốc là 174.000.000đ và 05 chỉ vàng 9999, quy đổi ra tiền mặt theo giá vàng tại thời điểm xét xử, tạm tính là 5.100.000đ/chỉ, tương đương 25.500.000đ. Tổng cộng là 199.500.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng). Ngoài ra, bà Huỳnh Thị L yêu cầu bà Triệu Thị Ngọc H trả lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L.

Ngày 23/11/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L.

Theo bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa– bà Triệu Thị Ngọc H trình bày: Do hoàn cảnh khó khăn nên năm 2015 bà H xác nhận có mượn của bà Huỳnh Thị L số tiền mặt là 174.000.000đ và 05 chỉ vàng 9999. Ngoài ra, bà Triệu Thị Ngọc H còn mượn của bà L 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L để đi vay mượn 70.000.000đ của bà Trần Thị Tú A. Bà H xác nhận bà chưa trả lại toàn bộ sồ tiền, vàng và bản chính giấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 cho bà Huỳnh Thị L. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của bà L, bà H đồng ý trả lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền gốc 174.000.000đ và 05 chỉ vàng 9999. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L, bà H xác nhận sau khi mượn của bà L, bà H đã thế chấp cho bà G và bà Trần Thị Tú A (không biết rõ địa chỉ) để vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và bà H có trách nhiệm lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 để trả lại cho bà L.

Theo bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông P xác định ông và bà Triệu Thị Ngọc H có quan hệ vợ chồng. Ông P xác định ông không biết và không liên quan đến quan hệ giao dịch vay mượn giữa bà H và bà Huỳnh Thị L.

Bị đơn bà Triệu Thị Ngọc H nhiều lần vắng mặt các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các lần xét xử không lý do.

Đến thời điểm mở phiên toà, các bên đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới về vụ án.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; phía nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Bà L yêu cầu bà H trả lại số tiền gốc 174.000.000đ và 05 chỉ vàng 9999 : nhận thấy quan hệ giao dịch vay tài sản là có thật, được bà H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện tại bản tự khai ngày 04/8/2020; ngày 23/12/2020, biên bản làm việc ngày 17/9/2020. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Ngày 23/11/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2020, bà Huỳnh Thị L khởi kiện bà Triệu Thị Ngọc H về việc yêu cầu bà H trả lại số tiền gốc 174.000.000đ; 05 (năm) chỉ vàng 9999 và 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L. Do đó xác định đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố V.

[1.2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Ngọc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Văn P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn bà Triệu Thị Ngọc H nhiều lần vắng mặt không có lý do chính đáng; Do đó căn cứ khoản 1,2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L yêu cầu bà H trả lại số tiền gốc 174.000.000đ; 05 (năm) chỉ vàng 9999 thì thấy quan hệ giao dịch vay, mượn tài sản là có thật, mặc dù hai bên không làm giấy tờ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có vay của bà Huỳnh Thị L số tiền gốc 174.000.000đ; 05 (năm) chỉ vàng 9999, thể hiện tại bản tự khai ngày 04/8/2020, ngày 23/12/2020, biên bản làm việc ngày 17/9/2020 của bà H tại Tòa. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa bà L và bà H là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Nay, bà L yêu cầu bà H trả lại toàn bộ số tiền gốc 174.000.000đ và 05 chỉ vàng 9999 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Qúa trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn P (chồng bà H) xác định không liên quan đến khoản vay trên, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả nợ, Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy buộc cá nhân bà Triệu Thị Ngọc H có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà Huỳnh Thị L là phù hợp.

Căn cứ vào giá vàng trong nước được công bố công khai ngày 15/12/2022 thì giá vàng SJC 9999 có giá 5.320.000đ/chỉ, được quy đổi ra tiền mặt 5.320.000đ/chỉ x 5 chỉ = 26.600.000đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Do đó, buộc bà Triệu Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Huỳnh Thị L tổng số tiền gốc là 174.000.000đ + 26.600.000đ = 200.600.000đ (Hai trăm triệu, sáu trăm ngàn đồng).

[2.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L yêu cầu bà H trả lại 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L: Ngày 23/11/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000 đứng tên hộ bà Huỳnh Thị L nên căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Triệu Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 10.030.000đ do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L đối với bà Triệu Thị Ngọc H về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc bà Triệu Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thị L toàn bộ số tiền gốc là 200.600.000đ (Hai trăm triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả và tương ứng với số tiền còn phải thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với "Đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1500 QSDĐ/Đ29/98 do UBND thành phố V cấp ngày 14/9/2000" giữa bà Huỳnh Thị L với bà Triệu Thị Ngọc H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Triệu Thị Ngọc H phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 10.030.000đ (Mười triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V.

4. Quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh B xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt được hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh B;
-TAND tỉnh B;
- VKSNDTPVT;
-Thi hành án dân sự TPVT;
-Các đương sự; Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Hội thẩm nhân dân** **Chủ tọa phiên tòa**